

Bản án số: 31/2019/HCST

Ngày: 31/10/2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tôn Thọ Nuôi

Bà Phạm Thị Lập

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 và 31/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 107/2019/TLST-HC, ngày 30/8/2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành vi hành chính, quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2019/QĐ-PT, ngày 08/10/2019, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thành H. Sinh năm: 1940

Địa chỉ: số X VT, khu phố X, phường X, thị xã KT, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Y VT, ấp CX, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền nộp đơn và tham gia tố tụng ngày 11/4/2018)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã KT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông La Văn D-Phó Chủ tịch UBND thị xã KT. (Theo văn bản ủy quyền số 952/UBND-TNMT ngày 16/10/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông La Văn H-Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã KT. (Theo văn bản cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 965/UBND-TNMT ngày 21/10/2019)

(Ông T và ông H có mặt, ông D có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

*** Người khởi kiện-Nguyễn Thành H do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Nguồn gốc phần đất diện tích 281,6m² do cha của ông H là ông Nguyễn Văn T1 được Ủy ban cách mạng KT xác nhận đăng ký ngày 10/01/1976. Sau khi ông T1 chết, ông Nguyễn Thành H tiếp tục sử dụng trên phần đất đã cất nhà từ năm 1972 đến nay. Ông Nguyễn Thành H đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần nhưng UBND thị xã KT xác định chỉ công nhận cho ông H diện tích 82,45m², phần diện tích còn lại không cấp cho ông H. Do đó, ông Nguyễn Thành H khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 869/UBND-TNMT ngày 31/8/2012, công văn số 292/UBND-TNMT ngày 02/4/2018 và công văn số 225/TB-UBND ngày 21/12/2018. Đồng thời hủy Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT). Buộc UBND thị xã KT thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành H diện tích 281,16m² đất tại các thửa số 289, 290, 291, 935, tờ bản đồ số 1-2-4 và 2-33 tọa lạc khu phố X, đường VT, phường X, thị xã KT.

*** Tại văn bản số 878/UBND-TNMT ngày 29/8/2018 Ủy ban nhân dân thị xã KT trình bày:**

Ông Nguyễn Thành H yêu cầu Tòa buộc UBND thị xã KT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 281,16m² trong đó gồm: phần đất diện tích 82,45m² đã được UBND huyện MH công nhận tại Quyết định số 31/QĐ.UB ngày 07/01/2004, phần đất còn lại có diện tích 198,71m² thuộc phần đất có tổng diện tích 253,31m² đã được UBND huyện MH ban hành Quyết định số 2316/QĐ.UB ngày 01/12/2006 về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Thành H.

Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất: Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Từ căn cứ pháp lý nêu trên, UBND thị xã KT đã thống nhất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 82,45m² (văn bản số 869/UBND-TNMT ngày 31/8/2017 của UBND thị xã). Riêng phần đất còn lại có diện tích 198,71m² UBND thị xã KT không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn đúng quy định. Văn bản số 869/UBND-TNMT ngày 31/8/2017 và văn bản số 292/UBND-TNMT ngày 02/4/2018 là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật. UBND thị xã KT kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã KT xác định: Quyết định 2316 ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH cũ (nay là UBND thị xã KT) thu hồi đất của ông H nên UBND thị xã KT không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Việc UBND thị xã KT xem xét hủy bỏ Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 hay phải ban hành quyết định bồi thường phần đất đã thu hồi của ông H thì UBND thị xã KT sẽ thực hiện sau khi có phán quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Vì vậy, ông H yêu cầu xem xét hủy bỏ Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH cũ (nay là UBND thị xã KT) đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An xác định:

Trong quá trình thụ lý, xét xử, Tòa án làm đúng thủ tục theo quy định Luật Tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa, xác định đúng người tham gia tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong tranh tụng được đảm bảo. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung vụ án, UBND thị xã KT ban hành Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 thu hồi 253,31m² của ông Nguyễn Thành H và xác định ông H được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên, UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) đã bỏ mặc đến nay đã 13 năm nhưng không ban hành quyết định bồi thường cho ông H. Sau khi ban hành Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006, UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) cũng không thực hiện việc thu hồi mà vẫn để ông Nguyễn Thành H sử dụng từ năm 2006 đến nay. Do đó, UBND thị xã KT cũng không sử dụng mà cũng không bồi thường cho ông H là trái quy định pháp luật. Vì vậy, ông Nguyễn Thành H yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) là hoàn toàn có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H.

Buộc UBND thị xã KT phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành H diện tích 281,16m² đất tại các thửa số 289, 290, 291, 935, tờ bản đồ số 1-2-4 và 2-33 tọa lạc tại khu phố X, đường VT, phường X, thị xã KT. Hủy công văn số 869/UBND-TNMT ngày 31/8/2012, công văn số 292/UBND-TNMT ngày 02/4/2018 và công văn số 225/TB-UBND ngày 21/12/2018 của UBND thị xã KT và hủy Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT).

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Xét yêu cầu xem xét hành vi và quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của cơ quan quản lý hành chính nhà nước là UBND thị xã KT thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30

và khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, ông H đã nộp đơn yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND thị xã KT có văn bản số 869/UBND.TNMT ngày 31/8/2017 và văn bản số 292/UBND –TNMT ngày 02/4/2018 nội dung không chấp nhận đơn đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H. Ngày 21/12/2018, UBND huyện thị xã KT có Thông báo số 225/TB-UBND xác định thời hiệu khiếu nại của ông Nguyễn Thành H đã hết. Do không đồng ý nên ngày 16/8/2019, ông Nguyễn Thành H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) là quyết định hành chính liên quan nên được xem xét giải quyết trong vụ án mà không tính thời hiệu theo quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Thành H là cá nhân xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thực hiện quyền của người sử dụng đất đúng theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013 thì thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thuộc thẩm quyền của UBND thị xã KT theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013. Do đó, việc xem xét đơn của ông H thuộc thẩm quyền của UBND thị xã KT nên UBND thị xã KT giải quyết trả lời ông H là đúng quy định pháp luật.

[4] Về hành vi hành chính của UBND thị xã KT, xét thấy:

Sau khi UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) ban hành Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Thành H đến nay gần 13 năm UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) không giải quyết bồi thường cho ông H theo quy định pháp luật. Từ năm 2006 đến nay ông H vẫn quản lý sử dụng trên phần đất bị thu hồi nhưng không bị cưỡng chế hay xử phạt để thi hành Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006. Mặt khác, ông H vẫn nộp thuế đất thổ cư trên toàn bộ diện tích được công nhận lần phần diện tích đã bị thu hồi, theo các biên lai thu thuế từ năm 2002 đến năm 2017 với diện tích 300m² đất ở đô thị. Do đó, việc UBND Thị xã KT không bồi thường cho ông H cũng không hủy Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 để công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là hoàn toàn trái quy định Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013. Bởi lẽ, ông H đã sử dụng ổn định toàn bộ diện tích trên từ năm 1976 đến nay đã hơn 40 năm, không tranh chấp thì ông H đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định Điều 101 Luật đất đai.

[5] Về các quyết định bị kiện, xét thấy: Tại văn bản số 878/UBND-TNMT ngày 29/8/2018 Ủy ban nhân dân thị xã KT cũng đã xác định ông H đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do vướng Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 đã thu hồi đất của ông H nhưng cũng không xử lý và giải quyết trường hợp ông H để ban hành quyết định bồi thường cho ông H hay

thu hồi, hủy bỏ Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H mà lại để kéo dài gần 13 năm để rồi chỉ ban hành Công văn số 869/UBND-TNMT ngày 31/8/2012, công văn số 292/UBND-TNMT ngày 02/4/2018 không chấp nhận yêu cầu ông H và công văn số 225/TB-UBND ngày 21/12/2018 xác định việc khiếu nại hết thời hiệu là không khách quan và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Bởi lẽ, việc chậm xử lý và để kéo dài là hoàn toàn do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước cụ thể là UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) chứ không phải lỗi của ông H.

[6] Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH cũ (nay là UBND thị xã KT) nhưng không tổ chức thực hiện 13 năm, thể hiện UBND huyện MH và nay là UBND thị xã KT không có nhu cầu sử dụng diện tích đất thu hồi của ông H nên phải được hủy bỏ để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H hủy Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH cũ (nay là UBND thị xã KT).

[7] Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H về việc khởi kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân thị xã KT như quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Hành vi của UBND thị xã KT về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành H đối với diện tích 281,16m² đất tại các thửa số 289, 290, 291, 935, tờ bản đồ số 1-2-4 và 2-33 tọa lạc khu phố X, đường VT, phường X, thị xã KT, tỉnh Long An theo đúng diện tích thực tế mà ông H sử dụng.

Buộc UBND thị xã KT thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành H đối với diện tích 281,16m² đất tại các thửa số 289, 290, 291, 935, tờ bản đồ số 1-2-4 và 2-33 tọa lạc khu phố X, đường VT, phường X, thị xã KT là trái quy định pháp luật.

Hủy Công văn số 869/UBND-TNMT ngày 31/8/2012, công văn số 292/UBND-TNMT ngày 02/4/2018 và công văn số 225/TB-UBND ngày 21/12/2018 của UBND thị xã KT.

Hủy Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Thành H.

[8] Về án phí: UBND thị xã KT phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Ông Nguyễn Thành H không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả ông H số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai 0000543 ngày 30/8/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, 165 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 166 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Điều 326 Nghị quyết của UBTV Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H về hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân thị xã KT.

Hành vi của UBND thị xã KT về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành H đối với diện tích 281,16m² đất tại các thửa số 289, 290, 291, 935, tờ bản đồ số 1-2-4 và 2-33 tọa lạc khu phố X, đường VT, phường X, thị xã KT là trái quy định pháp luật.

Buộc UBND thị xã KT thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành H đối với diện tích 281,16m² đất tại các thửa số 289, 290, 291, 935, tờ bản đồ số 1-2-4 và 2-33 tọa lạc khu phố X, đường VT, phường X, thị xã KT, tỉnh Long An theo đúng diện tích thực tế mà ông H sử dụng.

Hủy Công văn số 869/UBND-TNMT ngày 31/8/2012, công văn số 292/UBND-TNMT ngày 02/4/2018 và công văn số 225/TB-UBND ngày 21/12/2018 của UBND thị xã KT.

Hủy Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của UBND huyện MH (nay là UBND thị xã KT) về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Thành H.

Về án phí: UBND thị xã KT phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Ông Nguyễn Thành H không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả ông H số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai 0000543 ngày 30/8/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Quốc Khánh